TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/03/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Đại
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Dung
2. Bà Đinh Thị Út

- *Thư ký phiên toà*: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn – Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 27/03/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị S– Sinh năm 1989
Trú tại: Bản 1T, xã Xt, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Bàn Văn B – Sinh năm 1984
Trú tại: Bản 1T xã Xt, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Đặng Thị Strình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chi Đặng Thị Svà anh Bàn văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến ngày 10 tháng 11 năm 2010 thì đăng ký kết

hôn tại UBND xã Xt, huyện Bảo Yên. Sau khi đăng ký kết hôn chi Svà anh B chung sốnrg hạnh phúc đến tháng 9 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh B thường xuyên tụ tập, uống rượu sau đó gây sự đánh đập, chửi bới chị Snhiều lần. Sự việc đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng anh B không thay đổi. Từ tháng 4 năm 2022 chị Svà anh B đã ly thân, từ đó anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không thể tiếp tục chung sống với chị chị Skhởi kiện yêu cầu được ly hôn anh B.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung:

1. Cháu Bàn Thị V– Sinh ngày 06 tháng 3 năm 2009;

2. Cháu Bàn Thị L– Sinh ngày 03 tháng 10 năm 2012.

Sau khi ly hôn chị Scó nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không tham gia phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Đặng Thị Sđược ly hôn anh Bàn Văn B.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Skhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Bàn Văn B. Anh B cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố

tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ , không tham gia phiên tòa vì thế Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Svà anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xt, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Svà anh B là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, do mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến hai vợ chồng anh chị thường xuyên bất hòa. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Sđã cung cấp được chứng cứ xác định được anh cuộc sống vợ chồng giữa chị Svà anh B không hạnh phúc. Chị Svà anh B đã ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Slà phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Sđã cung cấp được chứng cứ chị có mức thu nhập 6.000.000 đồng /01 tháng. Các con chung của anh chị cùng có nguyện vọng được sống cùng chị Ssau khi anh chị ly hôn. Hiện nay anh B thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Vì vậy cần giao các cháu Cháu Bàn Thị V– Sinh ngày 06 tháng 3 năm 2009; Cháu Bàn Thị L– Sinh ngày 03 tháng 10 năm 2012 cho chị Đặng Thị Strực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[-5].Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 57 Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Đặng Thị Sđược ly hôn anh Bàn Văn B.

2. Về con chung:

Giao các cháu Cháu Bàn Thị V– Sinh ngày 06 tháng 3 năm 2009; Cháu Bàn Thị L– Sinh ngày 03 tháng 10 năm 2012 cho chị Đặng Thị Strực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B có quyền thăm nom con chung. Không ai được cản trở

3. Về án phí:

Chị Đặng Thị Sphải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí

số 0001531 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Chị Sđã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Xt;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Quang Đại

TV HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Dung – Đinh Thị Út **Vũ Quang Đại**